

Số: 4 /BC-THCSVĐ

Văn Đức, ngày 29 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Công khai thu, chi tài chính

Căn cứ Điều 5 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THCS Văn Đức báo cáo công khai về thu, chi tài chính của nhà trường như sau:

1. Tình hình tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	CHI TX GIAO TỰ CHỦ (VNĐ)	CHI TX KHÔNG GIAO TỰ CHỦ (VNĐ)
Dự toán năm trước chuyển sang(1)		33.600.000
Dự toán giao (2)	4.696.189.000	259.281.000
Dự toán bổ sung (3)	265.550.000	118.384.159
Dự toán giảm (4)		8.526.000
Dự Toán thu(1+2+3-4)	4.961.739.000	402.739.159
Dự Toán chi	4.956.060.000	325.639.159
1. Tiền lương	2.483.850.307	
	1.495.864.295	166.668.159
2. Phụ cấp lương		
3. Tiền thưởng	12.960.000	53.892.000
4. Các khoản đóng góp	692.119.890	
5. Thanh toán dịch vụ công cộng	22.542.366	
	19.935.286	
6. Vật tư văn phòng		
7. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	29.074.400	
8. Công tác phí	3.680.000	
9. Chi phí thuê mướn	33.148.470	
10. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	22.000.000	
11. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	50.920.406	

12. Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000	
13. Chi khác	70.964.580	21.315.000
14. Học bổng và hỗ trợ khác cho HS, SV, cán bộ đi học		66.264.000
15. Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		17.500.000
Dự Toán còn lại	5.679.000	77.100.000
Chuyển sang năm 2024		61.000.000
Kinh phí hủy	5.679.000	16.100.000

b. Nguồn dịch vụ năm 2024

b.1. Thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (vnd)	Tổng thu
1	Học phí	đồng/học sinh/tháng	105.000	551.932.500
2	Dịch vụ vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	20.000	100.350.000
3	Trông xe	đồng/học sinh/tháng	10.000	33.760.000
4	Học thêm	đồng/học sinh/tiết	7.000	1.045.093.000
5	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	7.000	19.075.000
6	Kĩ năng sống	Đồng/học sinh/tiết	12.000	60.480.000

b.2. Chi:

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Số tiền
1	Học phí	Chi tiền lương, tiền công, cải cách tiền lương	960.271.936
		Chi nghiệp vụ chuyên môn, dịch vụ công cộng, sửa chữa nhỏ, thuê mướn	328.983.125
2	Học thêm	Chi nộp thuế TNDN	20.901.860
		Chi GV trực tiếp dạy	819.352.912
		Chi công tác quản lý	153.628,671
		Chi điện, nước, sửa chữa CSVC	51.209.557
3	Trông xe	Nộp thuế GTGT, TNDN	3.376.000

		Chi tiền công trông xe	21.000.000
		Chi công tác quản lý	1.117.650
		Chi sửa chữa nhà xe	14.589.000
4	Vệ sinh	Chi tiền công dọn vệ sinh	54.000.000
		Thu gom rác thải	6.424.036
		Dụng cụ vệ sinh	39.921.091
5	Nước uống	Trà nhà cung cấp	19.075.000
6	Kĩ năng sống	Chi nộp về Trung tâm dạy KNS	48.384.000
		Nộp thuế TNDN	241.920
		Chi công tác quản lý	8.830.080
		Chi điện, nước, CSVC	3.024.000

2. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (vnd)	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/tháng	105.000	
2	Vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	20.000	
3	Trông xe	đồng/học sinh/tháng	10.000	
4	Học thêm	đồng/học sinh/tiết	7.000	
II	Năm học 2025-2026			
1	Vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	20.000	
2	Trông xe	đồng/học sinh/tháng	10.000	

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	34	21.315.000	
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	33	22.200.000	
3	Học bổng cho HSKT thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	6	44.064.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	240.801.470	Tiền học phí tại kho bạc Chí Linh
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng BIDV	Đồng	28.533.952	
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng MB	Đồng	1.048.898	

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai theo TT 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

- Công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi 6 tháng đầu năm 2025

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.963.099.000	3.529.323.802
1	Kinh phí giao tự chủ	6.236.407.000	3.182.507.802
	Tiền lương		1.609.101.012
	Phụ cấp lương		991.087.128
	Tiền thưởng		17.550.000
	Các khoản đóng góp		444.269.463
	Thanh toán dịch vụ công cộng		6.660.446
	Vật tư văn phòng		4.050.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		2.860.000

	Chi phí thuê mướn		11.840.850
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng		19.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		39.669.903
	Chi khác		36.419.000
2	Kinh phí không tự chủ	726.692.000	346.816.000
	Phụ cấp lương		246.910.000
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh		40.080.000
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở		48.276.000
	Chi khác		11.550.000

Nơi nhận:

- Website trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đương Văn Hè

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
VĂN ĐỨC